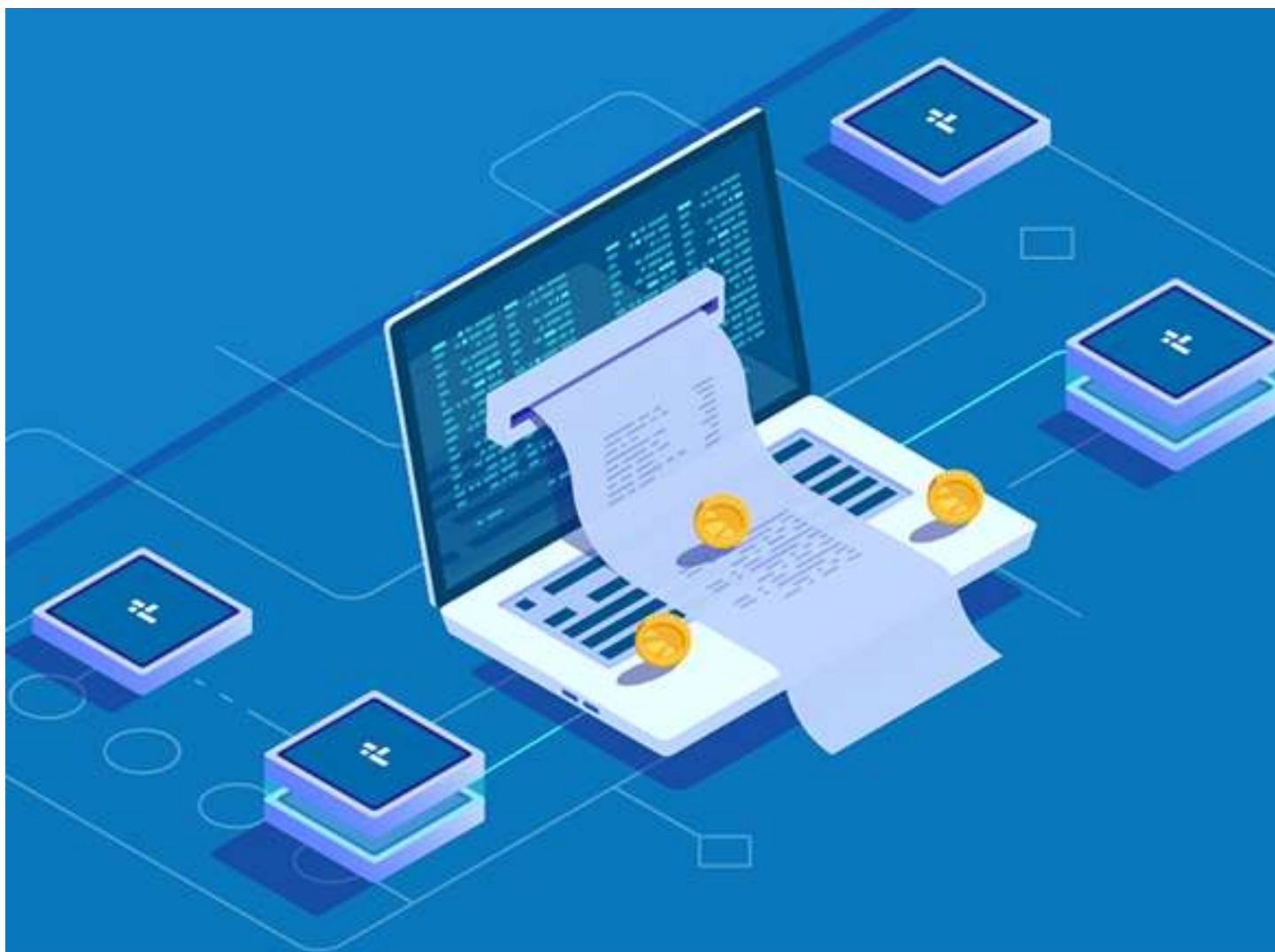




CẨM NANG THUẾ VÀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, BÁN HÀNG ĐA KÊNH

LỜI GIỚI THIỆU.....	2
PHẦN I: TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG	3
1. Mục đích của tài liệu	3
2. Đối tượng sử dụng.....	3
3. Hệ thống văn bản pháp lý trọng tâm	3
4. Nguyên tắc tiếp cận và áp dụng	4
PHẦN II: NHỮNG ĐIỂM MỚI TRỌNG TÂM LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ BÁN HÀNG ĐA KÊNH	5
1. Nhóm điểm mới về quản lý thuế	5
2. Nhóm điểm mới về thuế thu nhập cá nhân	6
3. Nhóm điểm mới về hóa đơn điện tử	6
4. Nhóm điểm mới về thương mại điện tử và dữ liệu	7
PHẦN III: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG	7
1. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh đa kênh	7
2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng online.....	9
3. KOL/KOC, streamer, affiliate, freelancer và nhà sáng tạo nội dung	10
4. Nhà cung cấp nước ngoài, chủ quản nền tảng nước ngoài và cá nhân không cư trú	11
5. Chủ quản nền tảng TMĐT, nền tảng số khác và tổ chức có trách nhiệm khấu trừ, khai thay, nộp thay.....	12
PHẦN IV: HƯỚNG DẪN THEO NHÓM NGHIỆP VỤ TRỌNG TÂM.....	13
PHẦN V: CHECKLIST TUÂN THỦ DÀNH CHO NGƯỜI NỘP THUẾ	16
PHẦN VI: SAI SÓT THƯỜNG GẶP VÀ KHUYẾN NGHỊ TUÂN THỦ.....	19
PHẦN VII: THÔNG ĐIẾP TUÂN THỦ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	21
PHỤ LỤC 1: BẢNG TRA CỨU NHANH CĂN CỨ PHÁP LÝ	22
Giải pháp quản lý hóa đơn điện tử cho kinh doanh đa kênh	23

LỜI GIỚI THIỆU

Thương mại điện tử và bán hàng đa kênh đang phát triển mạnh, kéo theo nhiều thay đổi trong cách doanh nghiệp, hộ kinh doanh quản lý doanh thu, thực hiện nghĩa vụ thuế và sử dụng hóa đơn điện tử. Đặc biệt, các quy định mới về hóa đơn, chứng từ và quản lý thuế đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với việc ghi nhận, lưu trữ và quản lý thông tin giao dịch.

Nhằm cung cấp góc nhìn tổng quan và thuận tiện cho việc tra cứu, tài liệu này tổng hợp những **nội dung quan trọng liên quan đến thuế và hóa đơn điện tử trong hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh online và bán hàng đa kênh**. Nội dung tập trung vào các vấn đề doanh nghiệp, hộ kinh doanh thường quan tâm như quy định về hóa đơn điện tử, thời điểm lập hóa đơn, nghĩa vụ thuế, quản lý doanh thu và một số lưu ý khi thực hiện hoạt động kinh doanh trên môi trường số.

Các nội dung trong tài liệu được tổng hợp và biên soạn dựa trên các văn bản pháp luật, quy định và hướng dẫn chính thức của cơ quan Nhà nước, trong đó có Luật Quản lý thuế, Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Nghị định 70/2025/NĐ-CP, Thông tư 32/2025/TT-BTC và các văn bản có liên quan.

Tài liệu mang tính chất tham khảo, hỗ trợ tra cứu và cập nhật kiến thức. Khi thực hiện nghĩa vụ thuế, người đọc cần đối chiếu với các văn bản pháp luật hiện hành và hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế.

PHẦN I: TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích của tài liệu

Tài liệu giới thiệu các quy định mới có liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và bán hàng đa kênh; giúp người nộp thuế nhận diện đúng nghĩa vụ, chủ động chuẩn hóa dữ liệu, thực hiện đúng đăng ký, khai, nộp thuế, khấu trừ, khai thay, nộp thay và hóa đơn điện tử.

2. Đối tượng sử dụng

- **Doanh nghiệp, hợp tác xã:** Bán hàng tại cửa hàng và/hoặc qua website, ứng dụng, sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, nền tảng số.
- **Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:** Bán hàng online, livestream, cung cấp dịch vụ, cho thuê, kinh doanh nội dung số hoặc đồng thời qua nhiều kênh.
- **KOL/KOC, streamer, affiliate, freelancer, nhà sáng tạo nội dung:** Nhận hoa hồng, quảng cáo, tài trợ, tiền bản quyền, thù lao, tiền công hoặc lợi ích bằng hiện vật.
- **Nhà cung cấp nước ngoài, cá nhân không cư trú:** Cung cấp hàng hóa, dịch vụ, nội dung số hoặc kinh doanh qua nền tảng hướng vào thị trường Việt Nam.
- **Chủ quản nền tảng và tổ chức liên quan:** Sàn thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thanh toán, ngân hàng, đơn vị vận chuyển và tổ chức có trách nhiệm khấu trừ, khai thay, nộp thay hoặc cung cấp thông tin.

3. Hệ thống văn bản pháp lý trọng tâm

- **Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15:** Nguyên tắc quản lý thuế, người nộp thuế, đăng ký, khai, nộp thuế, cung cấp thông tin, quản lý rủi ro và giao dịch điện tử.
- **Nghị định số 252/2026/NĐ-CP:** Quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế; trong đó Điều 40 đến Điều 46 điều chỉnh cơ chế quản lý thuế đối với các

chủ thể liên quan đến hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

- **Nghị định số 253/2026/NĐ-CP; Thông tư số 87/2026/TT-BTC:** Xác định người nộp thuế, tình trạng cư trú, loại thu nhập, phương pháp tính thuế và thuế suất đối với thu nhập cá nhân.
- **Nghị định số 254/2026/NĐ-CP; Thông tư số 90/2026/TT-BTC:** Quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; đối tượng sử dụng, thời điểm lập, nội dung hóa đơn, xử lý sai sót và sự cố. Quy định về đăng ký thuế, thông tin định danh và hồ sơ đăng ký thuế.
- **Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15; Nghị định số 248/2026/NĐ-CP:** Khung pháp lý chuyên ngành, mô hình nền tảng, trách nhiệm chủ thể, giao dịch và nghĩa vụ trong hoạt động thương mại điện tử.
- **Thông tư số 94/2026/TT-BTC:** Quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và sử dụng dữ liệu trong quản lý thuế.
- **Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung:** Chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
- **Thông tư số 91/2026/TT-BTC:** Quy định một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 254/2026/NĐ-CP về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.
- **Thông tư số 18/2026/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung:** Quy định về hồ sơ thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

4. Nguyên tắc tiếp cận và áp dụng

- Nghĩa vụ thuế được xác định theo chủ thể, bản chất hoạt động, doanh thu và giao dịch thực tế; không phụ thuộc vào tên gọi của kênh bán hàng hoặc tên gọi nghề nghiệp.
- Doanh thu phát sinh tại cửa hàng, trên sàn, website, ứng dụng, mạng xã hội, livestream và các nền tảng khác phải được quản lý thống nhất theo cùng người nộp thuế.

- Cơ chế khấu trừ, khai thay, nộp thay chỉ áp dụng trong phạm vi pháp luật quy định và không thay thế nghĩa vụ tự khai, tự nộp đối với phần doanh thu chưa được thực hiện thay.
- Dữ liệu đăng ký thuế, giao dịch, thanh toán, vận chuyển, hóa đơn và chứng từ khấu trừ phải có khả năng liên kết, đối chiếu và truy xuất.
- Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; chủ động rà soát và khai bổ sung khi phát hiện chênh lệch hoặc sai sót.

PHẦN II: NHỮNG ĐIỂM MỚI TRỌNG TÂM LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ BÁN HÀNG ĐA KÊNH

1. Nhóm điểm mới về quản lý thuế

- **Cơ chế quản lý riêng đối với hoạt động trên nền tảng TMĐT, nền tảng số khác:** Thiết lập cơ chế khai, nộp thuế; phân định trách nhiệm của chủ quản nền tảng, tổ chức khấu trừ và người bán (*Căn cứ: Điều 40-46 ND 252/2026/NĐ-CP*).
- **Nhà cung cấp nước ngoài:** Không phải đăng ký thuế khi toàn bộ doanh thu tại VN đã được khấu trừ, khai thay, nộp thay; trường hợp phải đăng ký thì khai đầy đủ tài khoản ngân hàng, ví điện tử (*Căn cứ: Điểm a, đ khoản 1 Điều 40 ND 252/2026/NĐ-CP*).
- **Kỳ khai và chấm dứt hoạt động:** Phân biệt kinh doanh thường xuyên và không thường xuyên; bổ sung xử lý nộp thừa và nghĩa vụ khi chấm dứt hoạt động tại Việt Nam (*Căn cứ: Khoản 2, 5 Điều 40 ND 252/2026/NĐ-CP*).
- **Cá nhân không cư trú:** Thực hiện đăng ký, khai, nộp thuế điện tử đối với hoạt động trên nền tảng không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán theo quy định pháp luật (*Căn cứ: Điều 42 ND 252/2026/NĐ-CP*).

- **Khấu trừ, khai thay, nộp thay:** Hoàn thiện cơ chế theo từng giao dịch; xác định thời điểm khấu trừ; thông báo điện tử; lưu giữ dữ liệu; xử lý giao dịch hủy, trả lại hàng (*Căn cứ: Điều 43-46 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).

2. Nhóm điểm mới về thuế thu nhập cá nhân

- **Người nộp thuế và phạm vi thu nhập:** Làm rõ theo tình trạng cư trú; thu nhập từ kinh doanh TMDT là thu nhập từ kinh doanh khi đáp ứng bản chất và điều kiện tương ứng (*Căn cứ: Điều 3, 6, 7 NĐ 253/2026/NĐ-CP*).
- **Phân loại thu nhập:** Phân định thu nhập từ kinh doanh với tiền lương, tiền công theo bản chất hoạt động, đăng ký kinh doanh, hợp đồng (*Căn cứ: Điều 8 NĐ 253/2026/NĐ-CP*).
- **Ngành nghề, thuế suất:** Quy định danh mục ngành nghề và thuế suất trên doanh thu tính thuế, có nhóm sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số (*Căn cứ: Phụ lục NĐ 253/2026/NĐ-CP; TT 87/2026/TT-BTC*).

3. Nhóm điểm mới về hóa đơn điện tử

- **Đối tượng sử dụng:** Bổ sung, làm rõ đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử và trường hợp không phải sử dụng (*Căn cứ: Điều 6 và Điều 7 NĐ 254/2026/NĐ-CP*).
- **Thời điểm lập hóa đơn:** Hoàn thiện thời điểm lập hóa đơn; có quy định riêng đối với dịch vụ cần đối soát dữ liệu, giao dịch phát sinh ngoài giờ và trường hợp đặc thù (*Căn cứ: Điều 9 NĐ 254/2026/NĐ-CP*).
- **Nội dung hóa đơn:** Làm rõ thông tin người bán, người mua, địa điểm kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ và một số hoạt động trên nền tảng số (*Căn cứ: Điều 10 và Phụ lục kèm NĐ 254/2026/NĐ-CP*).
- **Sai sót và sự cố:** Hoàn thiện xử lý hóa đơn đã lập, điều chỉnh, thay thế, xử lý sự cố hệ thống và quản lý dữ liệu chi tiết giao dịch (*Căn cứ: Điều 10 TT 91/2026/TT-BTC, Điều 14 NĐ 254/2026/NĐ-CP*).

4. Nhóm điểm mới về thương mại điện tử và dữ liệu

- **Phân loại mô hình và chủ thể:** Phân biệt hoạt động TMĐT, các loại hình nền tảng TMĐT, TMĐT có yếu tố nước ngoài, trách nhiệm của các bên liên quan (*Căn cứ: Luật 122/2025/QH15; ND 248/2026/ND-CP*).
- **Nhận diện và xác thực người bán:** Thông tin người bán phải có khả năng đối chiếu với đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, số định danh, tài khoản thanh toán, gian hàng và địa điểm kinh doanh (*Căn cứ: Luật 122/2025/QH15; ND 248/2026/ND-CP; ND 252/2026/ND-CP*).
- **Cung cấp và kết nối dữ liệu:** Dữ liệu phải đầy đủ, chính xác, đúng định dạng, đúng thời hạn; có thể đối chiếu theo người bán, đơn hàng, thanh toán, hóa đơn và số thuế đã thực hiện thay (*Căn cứ: Luật QLT 108/2025/QH15; Điều 40-46 ND 252/2026/ND-CP*).
- **Quản lý rủi ro:** Sử dụng dữ liệu để phát hiện doanh thu không kê khai, chênh lệch giữa đơn hàng - thanh toán - hóa đơn và dấu hiệu chia tách doanh thu (*Căn cứ: Luật QLT 108/2025/QH15; TT 94/2026/TT-BTC*).

PHẦN III: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh đa kênh

1. Phạm vi doanh thu:

- *Cần hiểu:* Doanh thu phát sinh tại cửa hàng và trên các kênh số thuộc cùng chủ thể phải được quản lý thống nhất.
- *Cần thực hiện:* Lập danh mục toàn bộ cửa hàng, website, ứng dụng, sàn, tài khoản mạng xã hội, tài khoản thanh toán và nền tảng có phát sinh doanh thu.
- *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế 108/2025/QH15; Điều 2 ND 252/2026/ND-CP.

2. Đăng ký và định danh:

- *Cần hiểu:* Thông tin đăng ký thuế phải đầy đủ, chính xác, kịp thời và thống nhất với dữ liệu kinh doanh.
- *Cần thực hiện:* Đối chiếu tên, mã số thuế, địa chỉ, ngành nghề, địa điểm kinh doanh và thông tin liên hệ trên tất cả hệ thống.
- *Căn cứ:* Điều 6 đến Điều 8 NĐ 252/2026/NĐ-CP; TT 90/2026/TT-BTC.

3. Khấu trừ/nộp thay:

- *Cần hiểu:* Chỉ giao dịch thuộc phạm vi pháp luật quy định mới được chủ quản nền tảng TMĐT hoặc bên thanh toán thực hiện khấu trừ, nộp thay.
- *Cần thực hiện:* Đối chiếu số thuế đã khấu trừ, giao dịch chưa thực hiện thay và phần doanh thu còn phải tự khai.
- *Căn cứ:* Điều 43 đến Điều 46 NĐ 252/2026/NĐ-CP.

4. Hóa đơn:

- *Cần hiểu:* Hóa đơn phải phản ánh đúng chủ thể, địa điểm, hàng hóa/dịch vụ, giá trị và thời điểm giao dịch.
- *Cần thực hiện:* Thiết lập quy trình lập hóa đơn thống nhất giữa cửa hàng, website, sàn và phần mềm bán hàng; tránh bỏ sót hoặc lập trùng.
- *Căn cứ:* Điều 9, Điều 10 NĐ 254/2026/NĐ-CP.

5. Đối soát và lưu trữ:

- *Cần hiểu:* Dữ liệu phải có khả năng liên kết từ đơn hàng đến thanh toán, vận chuyển, hóa đơn và thuế.
- *Cần thực hiện:* Đối soát định kỳ; lưu hợp đồng, bảng kê, sao kê, đơn hàng, hóa đơn, chứng từ khấu trừ và biên bản điều chỉnh.
- *Căn cứ:* Luật QLT 108/2025/QH15; Điều 43 đến Điều 46 NĐ 252/2026/NĐ-CP.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng online

- **Đăng ký thuế:**

- *Cần hiểu:* Trường hợp không đăng ký qua cơ chế một cửa liên thông phải đăng ký qua hồ sơ khai thuế tích hợp.
- *Cần thực hiện:* Thực hiện cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ đầu tiên; kê khai đầy đủ thông tin định danh và hoạt động.
- *Căn cứ:* Điểm d khoản 3 Điều 6 NĐ 252/2026/NĐ-CP; Điều 21 TT 90/2026/TT-BTC.

- **Doanh thu đa kênh:**

- *Cần hiểu:* Không xác định riêng doanh thu theo từng gian hàng, tài khoản hoặc nền tảng.
- *Cần thực hiện:* Tổng hợp doanh thu từ cửa hàng, sàn, website, mạng xã hội, livestream, quảng cáo, affiliate và các nguồn khác.
- *Căn cứ:* Luật Quản lý thuế; NĐ 68/2026/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung.

- **Nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán:**

- *Cần hiểu:* Nền tảng thực hiện khấu trừ, khai thay, nộp thay trong phạm vi quy định.
- *Cần thực hiện:* Cung cấp thông tin chính xác; lưu mã giao dịch, doanh thu, số thuế đã khấu trừ.
- *Căn cứ:* Điều 43 đến Điều 46 NĐ 252/2026/NĐ-CP.

- **Nền tảng không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán:**

- *Cần hiểu:* Người bán là Cá nhân không cư trú, trực tiếp khai, tính và nộp thuế.
- *Cần thực hiện:* Theo dõi doanh thu, kỳ khai, thời hạn và thực hiện điện tử theo quy định.

- *Căn cứ:* Khoản 4 Điều 13 Luật Quản lý thuế; Điều 42 NĐ 252/2026/NĐ-CP.

- **Hóa đơn điện tử:**

- *Cần hiểu:* Xác định trường hợp bắt buộc hoặc tự nguyện sử dụng hóa đơn điện tử.
- *Cần thực hiện:* Đăng ký loại hóa đơn phù hợp; lập đúng thời điểm, đúng nội dung và đúng giao dịch.
- *Căn cứ:* Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10 NĐ 254/2026/NĐ-CP.

3. KOL/KOC, streamer, affiliate, freelancer và nhà sáng tạo nội dung

- **Doanh thu bán hàng:**

- *Phân loại:* Thu nhập từ kinh doanh khi cá nhân trực tiếp tổ chức hoạt động bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ độc lập.
- *Việc cần làm:* Tách doanh thu bán hàng; đối chiếu đơn hàng, thanh toán, hoàn trả và hóa đơn.
- *Căn cứ:* Điều 7 NĐ 253/2026/NĐ-CP; NĐ 68/2026/NĐ-CP (sửa đổi bởi NĐ 141/2026/NĐ-CP).

- **Hoa hồng affiliate:**

- *Phân loại:* Phân loại theo bản chất hợp đồng, tính độc lập, đăng ký kinh doanh/thuế và phương thức tổ chức hoạt động.
- *Việc cần làm:* Lưu hợp đồng, báo cáo doanh thu, tỷ lệ hoa hồng, sao kê và chứng từ khấu trừ.
- *Căn cứ:* Điều 7, Điều 8 NĐ 253/2026/NĐ-CP.

- **Quảng cáo, tài trợ:**

- *Phân loại:* Có thể là thu nhập kinh doanh hoặc tiền lương, tiền công tùy bản chất quan hệ và cách thức thực hiện.

- *Việc cần làm:* Phân biệt khoản trả bằng tiền và hiện vật; xác định giá trị lợi ích và hồ sơ chứng minh.
- *Căn cứ:* Điều 7, Điều 8 NĐ 253/2026/NĐ-CP.
- **Bản quyền (chuyển quyền sử dụng đối tượng SHTT):**
 - *Phân loại:* Không gộp mặc nhiên với doanh thu bán hàng hoặc thù lao.
 - *Việc cần làm:* Lưu thỏa thuận quyền sở hữu, quyền khai thác, phạm vi và thời hạn sử dụng nội dung.
 - *Căn cứ:* NĐ 253/2026/NĐ-CP; TT 87/2026/TT-BTC.
- **Thù lao, tiền công:**
 - *Phân loại:* Khấu trừ 10% chỉ áp dụng khi khoản chi thực sự thuộc nhóm tiền lương, tiền công, thù lao theo quy định.
 - *Việc cần làm:* Rà soát hợp đồng, quan hệ chi trả, đăng ký kinh doanh/thuế; thực hiện quyết toán hoặc khai bổ sung khi cần.
 - *Căn cứ:* Điều 8 và quy định về khấu trừ tại NĐ 253/2026/NĐ-CP.

4. Nhà cung cấp nước ngoài, chủ quản nền tảng nước ngoài và cá nhân không cư trú

- **Phạm vi nghĩa vụ:** Có thể phát sinh nghĩa vụ tại Việt Nam dù không hiện diện vật lý. Cần xác định doanh thu/thu nhập phát sinh tại Việt Nam và cơ chế thực hiện nghĩa vụ (*Căn cứ: Điều 40-44 NĐ 252/2026/NĐ-CP; NĐ 253/2026/NĐ-CP*).
- **Hình thức thực hiện:** Trực tiếp đăng ký, khai, nộp; ủy quyền; không phải đăng ký thuế nếu toàn bộ doanh thu đã được khấu trừ, khai thay, nộp thay. Cần xác định rõ cơ chế áp dụng cho từng nguồn doanh thu; tránh vừa trực tiếp nộp vừa bị khấu trừ trùng (*Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 41-44 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).
- **Thông tin tài khoản:** Khi đăng ký lần đầu phải khai các tài khoản/hình thức nhận thanh toán liên quan đến doanh thu tại Việt Nam. Cần khai tên tổ chức

cung ứng dịch vụ, quốc gia, số/mã tài khoản, chủ tài khoản, loại tiền tệ và cập nhật khi thay đổi (*Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 40 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).

- **Kỳ khai:** Kinh doanh thường xuyên khai theo tháng; kinh doanh không thường xuyên khai theo từng lần phát sinh. Cần thực hiện đúng kỳ, thời hạn; hoàn thành nghĩa vụ khi chấm dứt hoạt động (*Căn cứ: Khoản 2, 5 Điều 40 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).
- **Cá nhân không cư trú:** Chịu thuế đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam; theo dõi riêng doanh thu theo ngành nghề. Cần lưu dữ liệu doanh thu, hợp đồng; áp dụng đúng phương pháp và thuế suất (*Căn cứ: Điều 42 NĐ 252/2026/NĐ-CP; NĐ 253/2026/NĐ-CP*).

5. Chủ quản nền tảng TMĐT, nền tảng số khác và tổ chức có trách nhiệm khấu trừ, khai thay, nộp thay

1. **Nhận diện người bán:** Thu thập, kiểm tra, cập nhật và lưu giữ thông tin người bán; xử lý tài khoản không xác thực, giả mạo hoặc thông tin không thống nhất (*Căn cứ: Luật 122/2025/QH15; NĐ 248/2026/NĐ-CP; Điều 43 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).
2. **Khấu trừ theo giao dịch:** Xác định đúng giao dịch thuộc phạm vi, khấu trừ tại thời điểm xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán theo quy định của nền tảng (*Căn cứ: Khoản 1 Điều 44 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).
3. **Thông báo và tránh trùng:** Thông báo điện tử về giao dịch, doanh thu, số thuế đã khấu trừ; phối hợp tránh khấu trừ trùng giữa tổ chức Việt Nam là bên mua và nền tảng TMĐT, nền tảng số khác (*Căn cứ: Điều 43 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).
4. **Hủy, đổi, trả, hoàn tiền:** Hoàn trả số thuế đã khấu trừ, đồng thời điều chỉnh dữ liệu doanh thu, hóa đơn (*Căn cứ: Điều 44, 46 NĐ 252/2026/NĐ-CP; Điều 14 NĐ 254/2026/NĐ-CP*).
5. **Cung cấp dữ liệu:** Bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng định dạng, đúng thời hạn và có khả năng đối chiếu theo người bán, đơn hàng, thanh toán, hóa đơn (*Căn cứ: Luật QLT 108/2025/QH15; Điều 40-46 NĐ 252/2026/NĐ-CP*).

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN THEO NHÓM NGHIỆP VỤ TRỌNG TÂM

1. Xác định đúng mô hình và vai trò của chủ thể:

- *Quy định cần hiểu:* Hoạt động TMĐT không chỉ gồm nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến và thanh toán. Cần phân biệt các loại hình nền tảng TMĐT.
- *Cần thực hiện:* Lập sơ đồ mô hình kinh doanh; xác định chủ thể bán hàng, chủ quản nền tảng, tổ chức tín dụng/thanh toán, đơn vị vận chuyển, bên lập hóa đơn và bên khấu trừ/nộp thay.
- *Căn cứ:* Luật 122/2025/QH15; ND 248/2026/ND-CP; Điều 40-46 ND 252/2026/ND-CP.

2. Chuẩn hóa đăng ký thuế và thông tin định danh:

- *Quy định cần hiểu:* Thông tin định danh phải thống nhất giữa hồ sơ thuế, gian hàng, tài khoản giao dịch, tài khoản nhận tiền và hóa đơn.
- *Cần thực hiện:* Rà soát tên, MST/số định danh, địa chỉ, ngành nghề, địa điểm kinh doanh, SĐT, email, tài khoản nhận thanh toán; cập nhật kịp thời khi thay đổi.
- *Căn cứ:* Điều 6-8 ND 252/2026/ND-CP; TT 90/2026/TT-BTC.

3. Tổng hợp doanh thu đa kênh:

- *Quy định cần hiểu:* Doanh thu của cùng một người nộp thuế được tổng hợp trên toàn bộ kênh; không xác định riêng ngưỡng thuế/hóa đơn cho từng gian hàng.
- *Cần thực hiện:* Thiết lập mã chủ thể thống nhất; tổng hợp cửa hàng, website, nền tảng TMĐT, mạng xã hội, livestream, quảng cáo, affiliate và nền tảng nước ngoài.
- *Lưu ý:* Không sử dụng nhiều gian hàng, tài khoản, ví điện tử hoặc tài khoản nhận tiền để chia tách doanh thu, che giấu chủ thể kinh doanh hoặc làm sai lệch nghĩa vụ thuế.

- *Căn cứ:* Luật QLT 108/2025/QH15; ND 68/2026/ND-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung.

4. Đối chiếu doanh thu và số thuế đã thực hiện thay:

- *Quy định cần hiểu:* Người bán vẫn phải theo dõi phần doanh thu chưa được nền tảng TMĐT hoặc tổ chức Việt Nam bên mua hàng thực hiện khấu trừ, nộp thay thuế.
- *Cần thực hiện:* Đối chiếu doanh thu gộp, phí nền tảng, giảm giá, hoàn tiền, tiền thu hộ, số thuế đã khấu trừ, doanh thu còn phải tự khai và thông báo điện tử của nền tảng.
- *Căn cứ:* Điều 43-46 ND 252/2026/ND-CP.

5. Xác định thời điểm khấu trừ:

- *Quy định cần hiểu:* Thời điểm khấu trừ là thời điểm xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán theo quy định của nền tảng.
- *Cần thực hiện:* Lưu dấu thời gian xác nhận, mã giao dịch, trạng thái thanh toán, giá trị giao dịch và số thuế khấu trừ đối chiếu với dữ liệu thanh toán.
- *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 44 ND 252/2026/ND-CP.

6. Xử lý giao dịch hủy, đổi, trả, hoàn tiền:

- *Quy định cần hiểu:* Việc điều chỉnh phải đồng bộ doanh thu, hóa đơn, phí nền tảng, vận chuyển, thanh toán và số thuế khấu trừ.
- *Cần thực hiện:* Lưu mã đơn hàng, mã giao dịch, chứng từ hủy/đổi/trả, khoản hoàn tiền và chứng từ điều chỉnh.
- *Căn cứ:* Điều 44, 46 ND 252/2026/ND-CP; Điều 10 TT 91/2026/TT-BTC.

7. Phân loại thu nhập đối với hoạt động nội dung số:

- *Quy định cần hiểu:* Căn cứ bản chất hoạt động, hợp đồng, tính độc lập, đăng ký kinh doanh/thuế và quyền khai thác nội dung (không căn cứ riêng tên gọi KOL/KOC, streamer...).

- *Cần thực hiện:* Tách doanh thu bán hàng, hoa hồng, quảng cáo, tài trợ, bản quyền, thù lao, tiền công, quà tặng và lợi ích bằng hiện vật.
- *Lưu ý:* Khấu trừ 10% không phải là cách xử lý mặc định đối với mọi khoản thu nhập trên nền tảng số; chỉ áp dụng khi khoản chi thuộc đúng nhóm tiền lương, tiền công, thù lao theo quy định.
- *Căn cứ:* Điều 3, 6, 7, 8 và Phụ lục ND 253/2026/ND-CP; TT 87/2026/TT-BTC.

8. Lập hóa đơn điện tử gắn với giao dịch nền tảng:

- *Quy định cần hiểu:* Hóa đơn phải phản ánh đúng người bán, địa điểm kinh doanh, hàng hóa/dịch vụ, giá trị và thời điểm; dữ liệu liên kết với đơn hàng và thanh toán.
- *Cần thực hiện:* Chuẩn hóa danh mục hàng hóa/dịch vụ; xác định người lập hóa đơn, trường hợp ủy nhiệm; quản lý giao dịch ngoài giờ, số lượng lớn, đối soát định kỳ và thu hộ/chi hộ.
- *Căn cứ:* Điều 6, 7, 9, 10 ND 254/2026/ND-CP.

9. Quản trị dữ liệu và lưu giữ hồ sơ:

- *Quy định cần hiểu:* Quản lý toàn bộ vòng đời dữ liệu người bán, đơn hàng, thanh toán, vận chuyển, hóa đơn, khấu trừ, khiếu nại và hoàn trả.
- *Cần thực hiện:* Phân quyền truy cập, ghi nhật ký, sao lưu, bảo mật; lưu dữ liệu có cấu trúc và mã liên kết giao dịch.
- *Căn cứ:* Luật QLT; Luật 122/2025/QH15; ND 248/2026/ND-CP; pháp luật về dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.

10. Tự rà soát rủi ro và khai bổ sung:

- *Quy định cần hiểu:* Dữ liệu được dùng để phân tích rủi ro, phát hiện doanh thu không kê khai, chênh lệch đơn hàng - thanh toán - hóa đơn và nhiều gian hàng cùng chủ sở hữu.

- *Cần thực hiện:* Tự đối chiếu định kỳ; giải trình chênh lệch; chủ động khai bổ sung trước khi cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra.
- *Căn cứ:* Luật QLT 108/2025/QH15; ND 252/2026/ND-CP; TT 94/2026/TT-BTC.

PHẦN V: CHECKLIST TUÂN THỦ DÀNH CHO NGƯỜI NỘP THUẾ

STT	Nội dung kiểm tra
1	Đã xác định đúng loại hình người nộp thuế, tình trạng cư trú của cá nhân và mô hình kinh doanh.
2	Đã lập danh mục đầy đủ cửa hàng, website, sàn TMĐT, ứng dụng, mạng xã hội, livestream và nền tảng phát sinh doanh thu.
3	Đã thống nhất mã số thuế/số định danh, tên, địa chỉ, ngành nghề và thông tin liên hệ trên tất cả các hệ thống.
4	Đã khai báo và cập nhật đầy đủ tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán, ví điện tử hoặc hình thức nhận tiền.
5	Đã xác định nền tảng nào có chức năng đặt hàng trực tuyến & thanh toán; nền tảng nào không có.

STT	Nội dung kiểm tra
6	Đã xác định giao dịch nào được khấu trừ/nộp thay và giao dịch nào phải trực tiếp khai, nộp.
7	Đã đối chiếu doanh thu gộp, phí nền tảng, giảm giá, hoàn tiền, thu hộ và số thuế đã khấu trừ.
8	Đã tổng hợp doanh thu toàn bộ kênh; không chia tách theo gian hàng, tài khoản, ví hoặc nền tảng.
9	Đã phân loại riêng doanh thu bán hàng, hoa hồng, quảng cáo, tài trợ, bản quyền, thù lao, tiền công và hiện vật.
10	Đã xác định đúng kỳ khai thuế, thời hạn nộp hồ sơ và thời hạn nộp thuế.
11	Đã xác định trường hợp bắt buộc hoặc tự nguyện sử dụng hóa đơn điện tử.
12	Đã thiết lập quy trình lập hóa đơn đúng thời điểm và tránh lập trùng giữa các kênh.
13	Đã đồng bộ thông tin người bán, địa điểm kinh doanh, hàng hóa/dịch vụ giữa hệ thống bán hàng và hóa đơn.

STT	Nội dung kiểm tra
14	Đã thiết lập quy trình xử lý hóa đơn sai sót, điều chỉnh, thay thế và sự cố hệ thống.
15	Đã thiết lập quy trình đồng bộ cho giao dịch hủy, đổi, trả và hoàn tiền.
16	Đã lưu mã đơn hàng, mã giao dịch, trạng thái thanh toán và dữ liệu vận chuyển.
17	Đã lưu hợp đồng, bảng đối soát, sao kê, chứng từ thanh toán, chứng từ khấu trừ và hóa đơn.
18	Đã phân quyền truy cập, ghi nhật ký, sao lưu và bảo mật dữ liệu.
19	Đã thực hiện đối chiếu định kỳ giữa đơn hàng - thanh toán - vận chuyển - hóa đơn - thuế.
20	Đã chủ động khai bổ sung và chuẩn bị hồ sơ giải trình khi phát hiện chênh lệch hoặc sai sót.

PHẦN VI: SAI SÓT THƯỜNG GẶP VÀ KHUYẾN NGHỊ TUÂN THỦ

STT	Sai sót thường gặp	Rủi ro có thể phát sinh	Khuyến nghị
1	Chỉ theo dõi doanh thu của một sàn hoặc một gian hàng.	Bỏ sót doanh thu, xác định sai ngưỡng và nghĩa vụ thuế/hóa đơn.	Tổng hợp theo cùng mã số thuế/số định danh trên toàn bộ kênh.
2	Cho rằng nền tảng đã khấu trừ thì không còn nghĩa vụ nào khác.	Bỏ sót phần doanh thu chưa được thực hiện khấu trừ/nộp thay hoặc bị khấu trừ trùng.	Đối chiếu từng giao dịch và thông báo điện tử; tự khai phần còn lại.
3	Dùng nhiều tài khoản hoặc ví để nhận tiền.	Dữ liệu không thống nhất, có thể bị nhận diện là chia tách doanh thu.	Chuẩn hóa thông tin chủ thể và tài khoản nhận tiền; lưu hồ sơ giải trình.
4	Phân loại mọi khoản thu của KOL/KOC là tiền lương, tiền công.	Áp dụng sai loại thu nhập, phương pháp tính và khấu trừ.	Căn cứ bản chất hợp đồng, tính độc lập, đăng ký kinh doanh/thuế và quyền khai thác nội dung.

STT	Sai sót thường gặp	Rủi ro có thể phát sinh	Khuyến nghị
5	Chỉ điều chỉnh tiền hoàn mà không điều chỉnh hóa đơn và doanh thu.	Chênh lệch dữ liệu giữa nền tảng, thanh toán, hóa đơn và hồ sơ thuế.	Xử lý đồng bộ và lưu liên kết với giao dịch ban đầu.
6	Lập hóa đơn theo kỳ đối soát nhưng không kiểm soát thời điểm quy định.	Lập hóa đơn sai thời điểm hoặc bỏ sót giao dịch.	Phân loại giao dịch và áp dụng đúng Căn cứ Điều 9 NĐ 254/2026/NĐ-CP.
7	Thông tin đăng ký thuế khác với gian hàng hoặc hóa đơn.	Không xác định được chủ thể, vướng mắc khấu trừ, hóa đơn và dữ liệu.	Rà soát, cập nhật thống nhất theo Điều 6 đến Điều 8 NĐ 252/2026/NĐ-CP.
8	Không lưu dữ liệu chi tiết giao dịch.	Không có căn cứ đối chiếu, giải trình khi cơ quan thuế yêu cầu.	Lưu dữ liệu có cấu trúc, mã liên kết và nhật ký thay đổi.
9	Chỉ rà soát khi cơ quan thuế yêu cầu.	Không kịp phát hiện sai sót và khai bổ sung.	Thiết lập đối soát định kỳ theo tháng/quý phù hợp quy mô hoạt động.

PHẦN VII: THÔNG DIỆP TUÂN THỦ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kinh doanh trên môi trường số, trên sàn thương mại điện tử hoặc đồng thời qua nhiều kênh vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thuế và hóa đơn theo quy định. Người nộp thuế cần quản lý thống nhất doanh thu, thông tin định danh, dữ liệu thanh toán và hóa đơn; phân định rõ giao dịch đã được nền tảng khấu trừ, khai thay, nộp thay với giao dịch phải trực tiếp thực hiện; chủ động điều chỉnh, khai bổ sung khi phát hiện sai sót.

Cơ quan thuế tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ, ứng dụng dữ liệu và giao dịch điện tử, tạo thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ đúng pháp luật; đồng thời tăng cường quản lý rủi ro, bảo đảm công bằng, minh bạch giữa các mô hình và kênh kinh doanh.

Các nguyên tắc người nộp thuế cần ghi nhớ:

1. Xác định đúng chủ thể và bản chất khoản thu.
2. Quản lý thống nhất doanh thu và dữ liệu trên toàn bộ kênh.
3. Đối chiếu thường xuyên, lưu đủ hồ sơ và chủ động khai bổ sung khi phát hiện sai sót.

"Kinh doanh trên môi trường số hoặc đồng thời qua nhiều kênh không làm thay đổi bản chất nghĩa vụ thuế. Người nộp thuế cần quản lý thống nhất thông tin định danh, doanh thu, giao dịch, hóa đơn và số thuế đã được khấu trừ, khai thay, nộp thay; chủ động rà soát, khai bổ sung khi phát hiện sai sót."

PHỤ LỤC 1: BẢNG TRA CỨU NHANH CĂN CỨ PHÁP LÝ

- **Đăng ký thuế, thông tin định danh:** Điều 6 đến Điều 8 NĐ 252/2026/NĐ-CP; TT 90/2026/TT-BTC.
- **Nhà cung cấp nước ngoài:** Điều 40, Điều 41 NĐ 252/2026/NĐ-CP.
- **Cá nhân không cư trú trên nền tảng:** Điều 42 NĐ 252/2026/NĐ-CP.
- **Khấu trừ, khai thay, nộp thay:** Điều 43 đến Điều 46 NĐ 252/2026/NĐ-CP.
- **Người nộp thuế, cư trú và thu nhập từ kinh doanh:** Điều 3, Điều 6, Điều 7 NĐ 253/2026/NĐ-CP.
- **Phân biệt kinh doanh với tiền lương, tiền công:** Điều 8 NĐ 253/2026/NĐ-CP.
- **Ngành nghề và thuế suất:** Phụ lục NĐ 253/2026/NĐ-CP; TT 87/2026/TT-BTC.
- **Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử:** Điều 6, Điều 7 NĐ 254/2026/NĐ-CP.
- **Thời điểm lập hóa đơn:** Điều 9 NĐ 254/2026/NĐ-CP.
- **Nội dung hóa đơn:** Điều 10 và Phụ lục NĐ 254/2026/NĐ-CP.
- **Điều chỉnh, thay thế, sự cố hóa đơn:** Điều 14 NĐ 254/2026/NĐ-CP và Điều 10 TT 91/2026/TT-BTC.
- **Khung pháp lý thương mại điện tử:** Luật số 122/2025/QH15; NĐ 248/2026/NĐ-CP.
- **Quản lý tuân thủ và rủi ro:** Thông tư số 94/2026/TT-BTC

Giải pháp quản lý hóa đơn điện tử cho kinh doanh đa kênh

Với doanh nghiệp và hộ kinh doanh có hoạt động bán hàng đa kênh, việc quản lý hóa đơn nhanh chóng, chính xác và tập trung ngày càng quan trọng. Fast e-Invoice là giải pháp hóa đơn điện tử trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ lập, phát hành, lưu trữ và quản lý hóa đơn điện tử thuận tiện. Hệ thống cũng hỗ trợ quản lý hóa đơn đầu vào và kết nối với các [phần mềm kế toán](#), [ERP](#) của FAST, giúp doanh nghiệp đồng bộ dữ liệu và tối ưu quy trình quản lý hóa đơn.

LẬP VÀ PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

TRÊN

Fast e-Invoice

Dễ dàng - An toàn - Nhanh chóng

PHIÊN BẢN MOBILE APP

Fb.com/PhanMemFast

www.invoice.fast.com.vn

FAST
HỖ TRỢ 24/7

ĐĂNG KÝ TỰ VẤN MIỄN PHÍ FAST E-INVOICE

Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST

- Website: <https://fast.com.vn/>
- Fanpage: Công ty Phần mềm FAST
- Email: info@fast.com.vn